

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 51/2024/HS-ST

Ngày 19-6-2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Gia Khải;

2. Ông Vũ Văn Sâm.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2024, đối với:

Bị cáo: Nguyễn Văn T, sinh ngày 17/02/1995, tại huyện Q, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn N, sinh năm 1969 và bà: Nguyễn Thị T1, sinh năm 1969; Vợ: Trần Thị N1, sinh năm 1997.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/12/2023 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình đến nay.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

- Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Anh Đinh Trọng T2, sinh năm 1969

Địa chỉ: Tổ E, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Anh Lưu Xuân C1, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Anh Cao Văn H, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Anh Lưu Xuân T3, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Người làm chứng: Chị Trần Thị N1, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo; vắng mặt những người tham gia tố tụng khác)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Từ cuối năm 2022 đến tháng 10/2023, T đã sử dụng nguồn tiền cá nhân để cho vay, hình thức giao và nhận tiền trực tiếp hoặc chuyển khoản qua các số tài khoản 111123268888, tên chủ tài khoản Nguyễn Văn T, mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q (M1) chi nhánh C2 và số tài khoản 0821000166110, chủ tài khoản Nguyễn Văn T, mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần N2 (V) chi nhánh T5. Các khoản vay chỉ thỏa thuận bằng miệng, không lập văn bản, không phải cầm cố, thế chấp tài sản. Tùy vào các mối quan hệ, T đã cho 06 người vay tiền với lãi suất từ 3.000 đồng đến 5.000 đồng/triệu/ngày, tương đương với lãi suất 109,5%/năm đến 182,5%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự (20%) từ 5,475 lần đến 9,125 lần. Cụ thể:

- *Người quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%) từ 5,475 lần và 9,125 lần, cụ thể:*- *Người vay thứ 1:* Ngày 12/12/2022, T cho anh Nguyễn Văn C, vay 10.000.000 đồng tiền mặt, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự 9,125 lần, thời hạn vay 01 tháng, anh C chuyển khoản từ số tài khoản 0906304999, chủ tài khoản Nguyễn Văn C, mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q vào số tài khoản M1 của T trả tiền lãi 1.500.000 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định là 166.667 đồng, số tiền thu lợi bất chính 1.333.333 đồng. Anh C đã trả T số tiền gốc 10.000.000 đồng.

- *Người vay thứ 2:* T cho anh Đinh Trọng T2 vay các khoản tiền sau:

Ngày 17/02/2023, T sử dụng số tài khoản M1 chuyển vào số tài khoản 8500118118118, Ngân hàng thương mại cổ phần Q, chủ tài khoản Đinh Trọng T2 cho anh T2 vay 75.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 5,475 lần, thời hạn vay 07 tháng, số tiền lãi anh T2 phải trả theo thỏa thuận là 47.960.205 đồng, anh T2 chuyển khoản (vào các ngày 18/3/2023, 03/4/2023, 03/5/2023, 06/6/2023, 05/7/2023, 17/7/2023, 04/8/2023, 21/8/2023, 21/9/2023) vào số tài khoản M1 của T trả số tiền lãi là 40.050.000 đồng, số tiền

lãi được thu theo quy định là 8.750.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 31.300.000 đồng. Anh T2 đã trả T số tiền gốc 75.000.000 đồng, số tiền lãi còn thiếu theo thỏa thuận thì T cho anh T2.

Ngày 21/02/2023, T cho anh T2 vay 25.000.000 đồng tiền mặt, lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 5,475 lần, thời hạn vay 01 tháng, anh T2 đã chuyển khoản vào số tài khoản M1 của T trả số tiền lãi là 2.250.000 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định là 416.667 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.833.333 đồng. Anh T2 đã trả T số tiền gốc 25.000.000 đồng.

- *Người vay thứ 3:* T cho anh Lưu Xuân C1 vay các khoản tiền sau:

Ngày 03/3/2023, T sử dụng số tài khoản M1 chuyển vào số tài khoản 0975433534, chủ tài khoản Lưu Xuân C1, mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q, cho anh C1 vay 5.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 9,125 lần, thời hạn vay 03 tháng, anh C1 chuyển khoản vào số tài khoản M1 của T (vào các ngày 08/3/2023, 11/4/2023, 09/5/2023) trả tiền lãi là 2.250.000 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định là 250.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.000.000 đồng. Anh C1 đã trả T số tiền gốc 2.000.000 đồng. Số tiền gốc 3.000.000 đồng còn nợ T không tính lãi, đến nay anh C1 chưa trả T.

Ngày 09/3/2023, T sử dụng số tài khoản M1 của T chuyển vào số tài khoản của anh C1 cho anh C1 vay 5.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự 9,125 lần, thời hạn vay 06 tháng, anh C1 chuyển khoản vào số tài khoản M1 của T (vào các ngày 18/3/2023, 11/4/2023, 09/5/2023, 07/7/2023, 12/7/2023) trả tiền lãi là 4.500.000 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định là 500.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 4.000.000 đồng. Anh C1 đã trả T số tiền gốc 5.000.000 đồng.

Ngày 27/4/2023, T sử dụng số tài khoản M1 chuyển vào số tài khoản của anh C1 cho anh C1 vay 5.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự 9,125 lần, thời hạn vay 01 tháng, anh C1 chuyển khoản vào số tài khoản M1 của T (ngày 18/5/2023) trả tiền lãi là 750.000 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định là 83.333 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 666.667 đồng. T cho anh Công nợ lại tiền gốc, không tính lãi, đến nay anh C1 chưa trả T số tiền gốc.

- *Người vay thứ 4:* Khoảng tháng 3/2023, T cho anh Cao Văn H vay 25.000.000 đồng tiền mặt, lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự 5,475 lần, thời hạn vay 06 tháng, anh H đã trả tiền mặt (tháng 6) và chuyển khoản từ số tài khoản 102868013627, chủ tài khoản Cao Văn H, mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C3 vào số tài khoản M1 của T (vào các ngày 25/4/2023, 30/5/2023, 14/7/2023, 17/7/2023, 10/8/2023, 19/8/2023, 11/9/2023,

26/9/2023) để trả số tiền lãi là 13.500.000 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định là 2.500.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 11.000.000 đồng. Anh H đã trả T số tiền gốc 25.000.000 đồng.

- *Người vay thứ 5:* T cho anh Lê Văn Đ vay các khoản tiền sau:

Thời điểm trước tháng 4/2023, T cho anh Đ vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 50.000.000 đồng nhưng không tính lãi suất. Đến ngày 05/4/2023, T sử dụng số tài khoản M1 chuyển vào số tài khoản 0591000371330, chủ tài khoản Lê Văn Đ, mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần N2 cho anh Đ vay thêm 10.000.000 đồng, tổng số tiền T cho anh Đ vay là 60.000.000 đồng. Đến thời điểm này, T bắt đầu thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự 9,125 lần, thời hạn vay 01 tháng, anh Đ đã chuyển khoản vào số tài khoản M1 của T (vào các ngày 12/4/2024 và 29/4/2023) trả T số tiền lãi là 9.000.000 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định là 1.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 8.000.000 đồng. T cho anh Đ nợ tiền gốc, không tính lãi, đến nay anh Đ chưa trả T số tiền gốc.

- *Người vay thứ 6:* T cho anh Lưu Xuân T3 vay các khoản tiền sau:

Ngày 29/5/2023, T sử dụng số tài khoản M1 chuyển vào số tài khoản 0998676169999, chủ tài khoản Lưu Xuân T3, mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q, cho anh T3 vay 5.000.000 đồng và ngày 01/6/2023, T sử dụng số tài khoản V chuyển vào số tài khoản của anh T3 cho anh T3 vay 5.000.000 đồng. T và anh T3 thỏa thuận tính lãi từ tháng 7/2023, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự 9,125 lần, thời hạn vay 05 tháng, anh T3 đã chuyển khoản (vào các ngày 03/7/2023, 27/7/2023, 31/8/2023, 30/9/2023, 27/11/2023) vào số các tài khoản của T để trả T số tiền lãi là 7.500.000 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định là 833.333 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 6.666.667 đồng. Anh T3 đã trả T số tiền gốc 10.000.000 đồng.

Ngày 12/10/2023, T sử dụng tài khoản M1 của T chuyển vào số tài khoản của anh T3 cho anh T3 vay 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự 9,125 lần, thời hạn vay 10 ngày, anh T3 chuyển khoản vào số tài khoản M1 của T trả T tiền lãi là 500.000 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định là 54.795 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 445.205 đồng. Anh T3 đã trả T số tiền gốc 10.000.000 đồng.

Ngày 14/12/2023, T đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax màu vàng, số IMEI 353904103159378 là phương tiện T sử dụng để liên lạc với những người vay tiền để thỏa thuận việc vay tiền, lãi suất và nhắc việc trả gốc, trả lãi.

Ngày 19/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn T tại thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, không phát hiện, thu giữ gì.

Bản cáo trạng số 46/CT-VKSQP ngày 13/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình truy tố Nguyễn Văn T về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu; bị cáo khai trong giai đoạn điều tra đã tự nguyện hoàn trả lại những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính là 67.245.205 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”;

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 35 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo số tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước. Do đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng và các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị: Tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax màu vàng số IMEI 353904103159378 của bị cáo Nguyễn Văn T; 01 USB kèm theo Kết luận giám định số 436/KL-KTHS ngày 27/02/2024 của V1 - Bộ C4 cần tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án. Tuyên buộc bị cáo phải nộp lại 162.000.000 đồng là tiền bị cáo sử dụng để cho vay và 14.554.795 đồng là tiền lãi được thu theo quy định để nộp ngân sách Nhà nước. T4 buộc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lưu Xuân C1 phải nộp lại số tiền 8.000.000 đồng, anh Lê Văn Đ phải nộp lại số tiền 60.000.000 đồng là tiền bị cáo T sử dụng để cho vay hiện anh C1 và anh Đ đang quản lý để nộp ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng: rất ân hận về hành vi mình đã thực hiện, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử; Biên bản làm việc mở, kiểm tra điện thoại; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập hồi 14 giờ, 14 giờ 30 phút, 15 giờ 05 phút ngày 14/12/2023 tại Công an huyện Q; Bản kết luận giám định số 436/KL-KTHS ngày 27/02/2024 của V1 - Bộ C4 trích xuất, phục hồi nội dung tin nhắn, hình ảnh, video trong điện thoại và trong các ứng dụng SMS, Z, Messenger trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax màu vàng đã quản lý của T (lưu trữ trong 01USB gửi kèm kết luận giám định) và biên bản làm việc kiểm tra dữ liệu trong USB gửi kèm Kết luận giám định số 436/KL-KTHS ngày 27/02/2024 của V1 - Bộ C4 không phát hiện video, hình ảnh, nội dung, tin nhắn nào liên quan đến việc phạm tội; Biên bản khám xét do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập hồi 15 giờ 30 phút ngày 19/12/2023 tại chỗ ở của Nguyễn Văn T ở thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Công văn cung cấp thông tin số 011/CV-CPH ngày 22/01/2024 và sổ phụ chi tiết kiểm báo nợ/báo có của sổ tài khoản 111123268888, tên chủ tài khoản Nguyễn Văn T, mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q chi nhánh C2 của Ngân hàng thương mại cổ phần Q chi nhánh C2; Công văn cung cấp thông tin số 157/TNG-KT ngày 05/3/2024 và sao kê của sổ tài khoản 0821000166110, tên chủ tài khoản Nguyễn Văn T, mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần N2 chi nhánh T5 của Ngân hàng thương mại cổ phần N2; cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 12/12/2022 đến ngày 12/10/2023, tại thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình Nguyễn Văn T đã có hành vi sử dụng số tiền 230.000.000 đồng của T cho 06 cá nhân vay tiền, gồm: anh Nguyễn Văn C 10.000.000 đồng, Đinh Trọng T2 100.000.000 đồng, Lưu Xuân C1 15.000.000 đồng, Cao Văn H 25.000.000 đồng, Lê Văn Đ 60.000.000 đồng và Lưu Xuân T3 20.000.000 đồng với lãi suất từ 3.000 đồng đến 5.000 đồng/triệu/ngày, tương đương với lãi suất 109,5%/năm đến 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự (20%) từ 5,475 lần đến 9,125 lần, số tiền lãi thu được 81.800.000 đồng, trong đó: số tiền lãi được thu quy định trong Bộ luật Dân sự là 14.554.795 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 67.245.205 đồng. Hành vi đó của bị cáo đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự

Điều 201 Bộ luật Hình sự: Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi

phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, cho vay với mức lãi suất vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%) từ 5,475 lần đến 9,125 lần. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất ổn định trong các giao dịch dân sự, làm ảnh hưởng xấu đến khả năng thanh toán nợ của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Vì vậy Hội đồng xét xử cần phải lên một mức án phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của tội phạm bị cáo thực hiện thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo cũng như việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong giai đoạn điều tra, bị cáo đã tự nguyện trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt có nơi cư trú ổn định rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên áp dụng Điều 35 Bộ luật hình sự phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp, có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung và có tác dụng giáo dục bị cáo nói riêng. Mức hình phạt áp dụng với bị cáo như mức Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, do đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về số tiền 67.245.205 đồng là tiền bị cáo thu lợi bất chính. Trong giai đoạn điều tra, bị cáo đã tự nguyện trả lại cho những người có quyền nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn C, Đinh Trọng T2, Lưu Xuân C1, Cao Văn H, Lê

Văn Đ và Lưu Xuân T3, những người có quyền, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết.

[7] Vật chứng vụ án và biện pháp tư pháp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax màu vàng số IMEI 353904103159378 quản lý của bị cáo Nguyễn Văn T, là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước là phù hợp với Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với số tiền bị cáo T đã sử dụng để cho vay là 162.000.000đồng và số tiền lãi được thu theo quy định trong Bộ luật Dân sự là 14.554.795 đồng mà những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã trả và bị cáo T đã quản lý, buộc bị cáo phải nộp lại để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 68.000.000đồng bị cáo T dùng để cho vay mà những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đang quản lý, buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải nộp lại để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước gồm: anh Lưu Xuân C1 8.000.000đồng; anh Lê Văn Đ 60.000.000đồng.

[8] Các vấn đề khác: Quá trình điều tra, bị cáo còn khai nhận đã cho anh Lưu Văn M, sinh năm 1997, cư trú tại thôn Đ, xã Q, huyện Q vay 15.000.000 đồng, lãi suất 5000 đồng/triệu/ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự 9,125 lần. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng anh Lưu Văn M vắng mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Đối với chị Trần Thị N1, là vợ bị cáo, không biết việc bị cáo cho vay lãi nặng nên không có căn cứ xác định chị đồng phạm với bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là phù hợp với khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo số tiền 100.000.000 đồng *Một trăm triệu đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax màu vàng số IMEI 353904103159378 quản lý của bị cáo Nguyễn Văn T. Tiếp tục quản lý theo hồ sơ vụ án 01 USB kèm theo Kết luận giám định số 436/KL-KTHS ngày 27/02/2024 của V1 - Bộ C4.

(Vật chứng trên đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/5/2024 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ).

- Tuyên buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp lại 176.554.795 đồng *(Một trăm bảy mươi sáu triệu năm trăm năm mươi tư nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng)* để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước (gồm 162.000.000 đồng tiền bị cáo sử dụng để cho vay và 14.554.795 đồng tiền lãi được thu theo quy định).

- Tuyên buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền bị cáo T sử dụng để cho vay để tịch thu nộp ngân sách nhà nước gồm: anh Lưu Xuân C1 phải nộp lại số tiền 8.000.000 đồng *(Tám triệu đồng)*, anh Lê Văn Đ phải nộp lại số tiền 60.000.000 đồng *(Sáu mươi triệu đồng)*.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn T, có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- VKSND h. Quỳnh Phụ;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- UBND xã Quỳnh Ngọc ;
- Công an & Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- TAND & Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên